

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Lợi

2. Bà Hoàng Thị Thúy

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Thế S - Sinh năm 1979

Trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam.

Con ông: Lê Văn N, sinh năm 1936 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1946

Vợ: Đỗ Thị N1, sinh năm 1985; Có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2006, con thứ 2 sinh năm 2007.

Tiền sự, tiền án : không;

Nhân thân: Ngày 27/4/2009 bị Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc tại TT giáo dục lao động xã hội tỉnh Thanh Hóa trong thời hạn 24 tháng, chấp hành xong quyết định ngày 25/11/2011.

Ngày 17/9/2012 bị Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc tại TT giáo dục lao động xã hội tỉnh Thanh Hóa trong thời hạn 24 tháng, chấp hành xong quyết định ngày 08/9/2014.

Tạm giữ từ ngày 16/11/2018 đến ngày 19/11/2018 chuyển tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên toà)

*** Bị hại:** - Anh Phạm Văn L - Sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn H – Sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, phố K, phường V, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h ngày 12/11/2018 Lê Thế S từ nhà ở thôn Đ, xã P, huyện X, tỉnh Thanh Hóa, đi bộ dọc QL1A đến địa phận thôn T, xã N, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Đến khoảng 21h30 khi đến gần ngã 3 T, xã N, huyện X, tỉnh Thanh Hóa, S nhìn thấy trước mặt chiều đi có 1 rạp đám cưới, cách rạp khoảng 2-3 m có dựng 1 chiếc xe đạp loại xe địa hình nhãn hiệu Galaxy màu đỏ đen không có người trông coi, đang dựng vuông góc với QL1A, đầu xe hướng Đông, đuôi xe hướng Tây. S nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe đạp, nên lại gần quan sát xung quanh không thấy ai, Sơn đi lại chỗ dựng chiếc xe, đá chân chống của xe, quay đầu xe rồi lên xe đạp thẳng về hướng thành phố T. S đạp xe đến quán máy bắn cá ở thôn Đ, xã T, huyện X, tỉnh Thanh Hóa của anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1987 ở phường V, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa), S nói với H là xe đạp của S, để chiếc xe lại làm tin để vay H 2.000.000đ, nên H đồng ý. Số tiền 2.000.000đ vay của H, S đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị phát hiện mất trộm xe ông Phạm Ngọc L (sinh năm 1963 ở thôn T, Xã N, huyện X) chủ sở hữu của chiếc xe đã làm đơn báo cáo Công an huyện X đề nghị giải quyết, do sợ bị phát hiện nên ngày 16/11/2018 Lê Thế S đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện X đầu thú khai báo hành vi phạm tội của mình.

Trên cơ sở lời khai của S, cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe đạp địa hình mà s đã đặt cho Nguyễn Văn H. Theo báo cáo của ông Đào Ngọc L, ông bị kẻ gian lấy cắp chiếc xe đạp địa hình nhãn hiệu Galaxy màu đỏ- đen trị giá 3.000.000đ. Ngày 16/11/2018 Hội đồng định giá tài sản huyện X định giá chiếc xe đạp thời điểm bị mất trị giá 2.500.000 đồng.

Ngày 20/12/2018 Cơ quan CSĐT công an huyện X đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho ông Phạm Ngọc L chiếc xe đạp địa hình nhãn hiệu Galaxy, màu đỏ-đen đã qua sử dụng, Ông L đã nhận lại sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Trong vụ án này Nguyễn Văn H là người đã cho S đặt lại chiếc xe đạp để vay 2.000.000đ, khi cho đặt xe H không biết là xe do S trộm cắp mà có khi được Cơ quan Công an thông báo về việc chiếc xe mà S gửi là tài sản trộm cắp, H đã tự nguyện giao nộp, do vậy cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với H là phù hợp. Số tiền 2.000.000đ Sơn vay của H, H không có yêu cầu đề nghị gì đối với S.

Tại bản cáo trạng số 06/KSĐT-HS ngày 24/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương để xét xử bị cáo Lê Thế S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, buộc bị cáo phải chịu án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Điều tra công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Thế S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai của bị cáo với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy có đủ cơ sở để khẳng định:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại thôn T, xã N, huyện X, tỉnh Thanh Hóa, bị cáo S đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe đạp địa hình nhãn hiệu galaxy màu đỏ đen của anh Phạm Văn L, sinh năm 1963 ở thôn T, xã N, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Sau đó bị cáo đem đến quán của anh Nguyễn Văn H cầm lấy 2.000.000 đồng và tiêu xài hết. Hội đồng định giá tài sản đã định giá chiếc xe đạp trên, trị giá 2.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 BLHS.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác. Tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ không ai có quyền xâm phạm nhưng bị cáo đã bất chấp pháp luật, lén lút trộm cắp tài sản nhằm mục đích lấy tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo có nhân thân xấu đã 2 lần bị xử phạt hành chính đưa đi cai nghiện, hiện nay vẫn nghiện ma túy, vì vậy cần xử lý nghiêm minh, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bố và mẹ bị cáo là người có công với cách mạng, bị cáo đầu thú, bị cáo đã có thời gian phục vụ trong quân đội, cần áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS giảm nhẹ cho bị cáo một phần để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: HĐXX thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[7] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo trả lại 2.000.000 đồng tiền cầm xe nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

*Tuyên bố: Bị cáo Lê Thế S phạm tội "Trộm cắp tài sản"

* Xử phạt: Bị cáo Lê Thế S 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/11/2018.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự : Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì.

* Về án phí: Áp dụng Điều 135,136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản sao bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh,;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Cơ quan Thi hành án Quảng xương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Xuân Dũng